

Bản án số: 38 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2024

V/v: Xin ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Quốc Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Thương;

2. Bà Phan Thị Phương My.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Cảnh Sách - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Vũ Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Hà V**, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: **thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế**, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: **thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế**; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09 tháng 10 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Ngô Thị Hà V** trình bày như sau: Giữa chị và anh **Nguyễn Hữu H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế** vào ngày 19 tháng 10 năm 2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình

không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục được nên chị và anh **H** không chung sống với nhau khoảng 05 tháng nay. Chị **V** xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh **H** nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Hữu H**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là **Nguyễn Hữu Đăng K**, sinh ngày 12/6/2023. Nếu ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu **K** cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh **H** không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **V** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/12/2023 và biên bản hòa giải ngày 22/12/2023, bị đơn anh **Nguyễn Hữu H** trình bày: Giữa anh và chị **Ngô Thị Hà V** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Q**, huyện **Q**, tỉnh **Thừa Thiên Huế** vào ngày 19 tháng 10 năm 2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Vợ chồng sống ly thân khoảng 05 tháng nay. Tuy nhiên, anh **H** không đồng ý ly hôn với chị **V**

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là **Nguyễn Hữu Đăng K**, sinh ngày 12/6/2023. Anh **H** yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu **K** cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị **V** không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình hòa giải, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Sau khi tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, ngày 01/4/2024, anh **Nguyễn Hữu H** có bản tự khai trình bày: Trước đây, anh **H** không đồng ý ly hôn vì thương con nhưng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên nay, anh đồng ý ly hôn với chị **Ngô Thị Hà V**.

Về con chung: Anh **Nguyễn Hữu H** đồng ý giao cháu **Nguyễn Hữu Đăng K**, sinh ngày 12/6/2023 cho chị **V1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh **H** không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh **H** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị **Ngô Thị Hà V** được ly hôn với anh **Nguyễn Hữu H**.

Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình để giao cháu **Nguyễn Hữu Đăng K**, sinh ngày 12/6/2023 cho chị **V1** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị **V1** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Ngô Thị Hà V** có đơn xin ly hôn bị đơn là anh **Nguyễn Hữu H** có nơi cư trú tại: **thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế** nên tranh chấp trên được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Ngô Thị Hà V** và bị đơn anh **Nguyễn Hữu H** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị **Ngô Thị Hà V** và anh **Nguyễn Hữu H** có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế** vào ngày 19/10/2022, điều kiện và thủ tục kết hôn đúng quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị **V**, do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi vã, xúc phạm nhau. Chị **V** và anh **H** không chung sống với nhau gần 01 năm nay. Chị **V** xác định không còn tình cảm với anh **H** nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **H**. Quá trình giải quyết vụ án và lấy lời khai từ gia đình nguyên đơn thì thấy rằng, sau một thời gian chung sống vợ chồng chị **V** và anh **H** xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng hay cãi vã, to tiếng với nhau. Mặc dù gia đình cũng đã khuyên nhủ nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng không khắc phục được. Chị **V** và anh **H** không sống chung với nhau cũng gần 1 năm nay. Chị **V** và con về nhà ngoại sinh sống, còn anh **H** sống ở nhà nội. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không quan tâm, hỏi han hay chăm sóc gì cho nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo liệu. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị **V** và anh **H** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, trong bản tự khai ngày 01/4/2024, anh **H** cũng đồng ý ly hôn nên cần áp dụng Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia

đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Ngô Thị Hà V** được ly hôn với anh **Nguyễn Hữu H**.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị **Ngô Thị Hà V** và anh **Nguyễn Hữu H** có 01 con chung là **Nguyễn Hữu Đăng K**, sinh ngày 12/6/2023. Xét thấy, hiện nay cháu **K** đang sống cùng chị **V**. Do cháu còn nhỏ, chị **V** đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. chị **V** yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu **K** cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn và anh **H** cũng đồng ý. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định của cháu, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu **K** cho chị **V** tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Ngô Thị Hà V** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Ngô Thị Hà V** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị **Ngô Thị Hà V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Ngô Thị Hà V** được ly hôn với anh **Nguyễn Hữu H**.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu **Nguyễn Hữu Đăng K**, sinh ngày 12/6/2023 cho chị **Ngô Thị Hà V** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh **Nguyễn Hữu H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 147 BLTTDS 2015. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị **Ngô Thị Hà V** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000509 ngày 10/10/2023 của Chi cục thi

hành án dân sự huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chi **V** đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Quảng Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Q.Điền;
- UBND xã Quảng Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Quốc Công**